

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32



## CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phan Đức	Chủ tịch
Ông Lê Minh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 12/03/2011

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2012

3 - CT  
HỮU HÂN  
TƯ VẤN  
KH KẾ T  
KIỂM TỐ  
N KIẾ M





Số: 81 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Ngô Đức Đoàn**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>616.716.781.832</b>	<b>652.225.022.334</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.743.959.378	31.633.993.269
111	1. Tiền		23.743.959.378	31.633.993.269
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.195.950.000	3.757.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.431.400.000	4.374.450.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.235.450.000)	(617.450.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		378.272.859.699	287.705.266.482
131	1. Phải thu của khách hàng		329.699.583.201	269.845.177.011
132	2. Trả trước cho người bán		45.335.451.296	15.553.231.050
135	5. Các khoản phải thu khác	5	3.237.825.202	2.306.858.421
140	IV. Hàng tồn kho	6	204.709.444.440	314.740.121.668
141	1. Hàng tồn kho		204.709.444.440	314.740.121.668
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.794.568.315	14.388.640.915
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		140.860.698	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.922.065.540	9.482.608.353
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	45.899.970	160.034.244
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.685.742.107	4.745.998.318
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>419.998.871.814</b>	<b>327.131.321.627</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		160.000.000.000	74.656.700.000
218	4. Phải thu dài hạn khác	9	160.000.000.000	74.656.700.000
220	II. Tài sản cố định		95.947.627.348	96.568.768.929
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.715.821.537	70.226.377.267
222	- Nguyên giá		132.003.490.115	129.977.997.581
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.287.668.578)	(59.751.620.314)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	16.735.226.948	17.090.964.535
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.553.662.881)	(1.197.925.294)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	16.496.578.863	9.251.427.127
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	152.165.000.000	147.290.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.650.000.000	74.650.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.515.000.000	72.640.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.886.244.466	8.615.852.698
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.886.244.466	8.615.852.698
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.036.715.653.646</b>	<b>979.356.343.961</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>575.198.383.593</b>	<b>495.251.530.444</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>555.092.110.145</b>	<b>482.821.704.036</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	344.399.065.462	409.542.817.934
312	2. Phải trả người bán		203.136.736.443	67.024.490.691
313	3. Người mua trả tiền trước		917.993.883	714.196.886
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	151.140.725	85.940.386
315	5. Phải trả người lao động		722.595.431	2.346.352.267
316	6. Chi phí phải trả	17	1.145.585.157	330.733.425
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	2.563.054.265	316.973.237
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.055.938.779	2.460.199.210
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.106.273.448</b>	<b>12.429.826.408</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		2.000.000.000	2.166.666.664
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	17.490.613.559	9.857.142.855
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		615.659.889	406.016.889
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>461.517.270.053</b>	<b>484.104.813.517</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>461.517.270.053</b>	<b>484.104.813.517</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
414	4. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(7.077.620.006)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.805.846.278	6.888.844.216
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.777.923.139	3.319.422.105
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.115.877.429	37.166.345.149
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.036.715.653.646</b>	<b>979.356.343.961</b>

31353  
CÔNG TY  
HÀNG ĐẦU  
VỤ TỰ  
CHÍNH KẾ  
VA KIỂM  
AN KIỂM

190300025  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ỚNG THÉP  
VIỆT-ĐỨC  
VG PIPE  
TUYÊN - T. V.

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		897.046,38	312.665,41

Nguyễn Thị Nhi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012





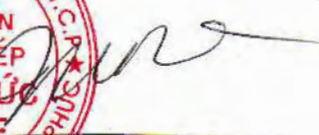
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.067.095.964.349	1.622.301.204.625
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	15.723.924.404	1.516.725.746
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	2.051.372.039.945	1.620.784.478.879
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.975.105.484.567	1.529.998.708.589
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.266.555.378	90.785.770.290
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	33.571.846.999	32.456.893.396
22	7. Chi phí tài chính	26	66.251.496.100	56.062.884.677
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		63.361.182.677	55.404.346.508
24	8. Chi phí bán hàng	27	26.440.787.388	22.372.927.219
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	15.004.989.311	15.557.599.509
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		2.141.129.578	29.249.252.281
31	11. Thu nhập khác	29	2.409.320.081	34.389.899
32	12. Chi phí khác	30	467.603.602	280.506
40	13. Lợi nhuận khác		1.941.716.479	34.109.393
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.082.846.057	29.283.361.674
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	439.484.606	3.756.702.448
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.643.361.451</u>	<u>25.526.659.226</u>



Nguyễn Thị Nhi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.082.846.057	29.283.361.674
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		11.249.253.420	10.530.732.691
03	Các khoản dự phòng		2.618.000.000	* 617.450.000
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(31.746.422.177)	(7.950.436.261)
06	Chi phí lãi vay		63.361.182.677	55.404.346.508
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.564.859.977	87.885.454.612
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(84.199.138.768)	(178.733.977.270)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		110.030.677.228	(143.390.304.257)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		136.723.818.408	20.282.951.098
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.411.252.466)	227.672.533
13	Tiền lãi vay đã trả		(62.512.344.691)	(55.906.185.115)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(325.350.332)	(5.303.663.570)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.145.959.598	44.495.291.500
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.569.027.548)	(21.513.668.167)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		142.448.201.406	(251.956.428.636)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.477.755.931)	(15.356.609.297)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		836.363.637	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(85.513.300.000)	(70.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.875.000.000)	(19.981.543.776)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.668.310.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.479.439.931	7.990.305.151
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.550.252.363)	(79.479.537.922)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	6.049.332.155
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(8.912.578.846)	(7.077.620.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.393.309.378.644	1.411.777.016.651
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.450.748.420.412)	(1.384.285.519.733)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.436.362.320)	(22.533.164.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(80.787.982.934)	3.930.044.673

CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
CHÍNH K  
VÀ KIỂM  
AN KIỂM

H. S. Đ. K. K. D. 19031  
CÔNG  
CỔ P  
ÔNG  
VIỆT  
VG P  
BÌNH XUYỄN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.890.033.891)	(327.505.921.885)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.633.993.269	359.139.915.154
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23.743.959.378</u>	<u>31.633.993.269</u>




Nguyễn Thị Nhi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

**Ngành nghề kinh doanh****Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:**

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

21020  
CỘP  
HCH NH  
DỊCH V  
AI CHH  
VÀ K  
IOANI

Đ.Đ.  
H. S. Đ.  
B. B.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m<sup>2</sup> đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m<sup>2</sup> đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m<sup>2</sup> đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm.
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

210203  
CÔNG  
CH NHIỆM H  
CH VỤ TL  
CHÍNH KẾ  
KIỂM T  
KIỂM T

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.316.647.557	10.921.302.122
Tiền gửi ngân hàng	18.427.311.821	20.712.691.147
	<b>23.743.959.378</b>	<b>31.633.993.269</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	4.431.400.000	4.374.450.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.235.450.000)	(617.450.000)
	<b>1.195.950.000</b>	<b>3.757.000.000</b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.950.859	2.136.864
Phải thu về bảo hiểm y tế	3.004.740	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.335.440	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	2.686.666.667	2.062.901.415
Phải thu khác	529.867.496	241.820.142
	<b>3.237.825.202</b>	<b>2.306.858.421</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	16.477.036.233
Nguyên liệu, vật liệu	48.378.941.265	98.586.147.978
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.955.920.238	13.980.360.257
Thành phẩm	142.229.632.858	184.399.000.073
Hàng hoá	144.950.079	1.297.577.127
	<b>204.709.444.440</b>	<b>314.740.121.668</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	45.899.970	160.034.244
	<b><u>45.899.970</u></b>	<b><u>160.034.244</u></b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	214.517.914	22.429.550
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.471.224.193	4.723.568.768
	<b><u>5.685.742.107</u></b>	<b><u>4.745.998.318</u></b>

**9 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu tiền cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay (*)	160.000.000.000	74.656.700.000
	<b><u>160.000.000.000</u></b>	<b><u>74.656.700.000</u></b>

(\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16/10/2011, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay tổng số tiền là 160 tỷ đồng, thời hạn vay là 5 năm. Tỷ lệ lãi suất áp dụng sẽ được xác định theo mức lãi suất vay tại các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay. Lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2011 là 19,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	44.742.354.689	75.956.419.393	8.937.185.749	342.037.750	-	129.977.997.581
Số tăng trong năm	1.800.591.292	729.920.000	1.029.272.727	16.322.727	-	3.576.106.746
- Mua sắm mới	1.800.591.292	729.920.000	1.029.272.727	16.322.727	-	3.576.106.746
Số giảm trong năm	-	-	(1.550.614.212)	-	-	(1.550.614.212)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.550.614.212)	-	-	(1.550.614.212)
Số dư cuối năm	46.542.945.981	76.686.339.393	8.415.844.264	358.360.477	-	132.003.490.115
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	13.385.023.667	42.237.865.936	3.831.510.267	297.220.444	-	59.751.620.314
Số tăng trong năm	2.400.762.933	7.452.637.504	1.014.737.049	25.378.347	-	10.893.515.833
- Trích khấu hao	2.400.762.933	7.452.637.504	1.014.737.049	25.378.347	-	10.893.515.833
Số giảm trong năm	-	-	(1.357.467.569)	-	-	(1.357.467.569)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.357.467.569)	-	-	(1.357.467.569)
Số dư cuối năm	15.785.786.600	49.690.503.440	3.488.779.747	322.598.791	-	69.287.668.578
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	31.357.331.022	33.718.553.457	5.105.675.482	44.817.306	-	70.226.377.267
Số dư cuối năm	30.757.159.381	26.995.835.953	4.927.064.517	35.761.686	-	62.715.821.537

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc- Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>18.219.064.829</u>	<u>69.825.000</u>	<u>18.288.889.829</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.152.171.544	45.753.750	1.197.925.294
Số tăng trong năm	348.387.587	7.350.000	355.737.587
- Trích khấu hao	348.387.587	7.350.000	355.737.587
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.500.559.131</u>	<u>53.103.750</u>	<u>1.553.662.881</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	17.066.893.285	24.071.250	17.090.964.535
Số dư cuối năm	<u>16.718.505.698</u>	<u>16.721.250</u>	<u>16.735.226.948</u>

**12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	9.251.427.127	-
Số tăng trong năm	7.245.151.736	9.251.427.127
Số dư cuối năm	<u>16.496.578.863</u>	<u>9.251.427.127</u>

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>16.496.578.863</b>	<b>9.251.427.127</b>
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Tòa nhà tài chính Vĩnh Yên	6.418.237.305	495.063.492
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh	1.503.796.104	181.818.181
	<u>16.496.578.863</u>	<u>9.251.427.127</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>74.650.000.000</b>	<b>74.650.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	59.950.000.000	59.950.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	14.700.000.000	14.700.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>77.515.000.000</b>	<b>72.640.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	66.640.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	6.000.000.000
	<b><u>152.165.000.000</u></b>	<b><u>147.290.000.000</u></b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	49,00%	49,00%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	26,00%	30,64%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**- Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.615.852.698	8.839.326.662
Số tăng trong năm	5.916.871.551	949.298.631
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(2.646.479.783)	(1.172.772.595)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.886.244.466</b>	<b>8.615.852.698</b>
<b>Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	7.117.405.332	7.293.869.927
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	320.844.739	870.565.674
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.447.994.395	451.417.097
	<b>11.886.244.466</b>	<b>8.615.852.698</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>340.716.831.034</b>	<b>407.828.532.218</b>
- Vay ngân hàng	340.716.831.034	407.828.532.218
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.682.234.428	1.714.285.716
	<b>344.399.065.462</b>	<b>409.542.817.934</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên (1)	195.125.950.144	176.554.296.640
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên (2)	75.663.930.000	69.221.164.600
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (3)	19.410.000.000	63.100.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (4)	22.850.000.000	37.731.432.875
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (5)	21.632.221.000	61.221.638.103
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ - Hội sở <sup>(6)</sup>	6.034.729.890	-
	<b>340.716.831.034</b>	<b>407.828.532.218</b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (7)	3.682.234.428	1.714.285.716
	<b>3.682.234.428</b>	<b>1.714.285.716</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 28 tháng 04 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 260 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ 28/04/2011 đến 28/04/2012; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời năm và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 là 17%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 10.18.0061/HĐTD ngày 15/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, kinh doanh sắt thép;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, thời gian duy trì hạn mức đến ngày 13/7/2012; thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ
  - + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 là 18%/năm đối với khoản vay VND, lãi suất áp dụng với vay USD là 8,2%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 3497/HĐHMTD/TCB VPC ngày 28/10/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cung cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 28/10/2011 đến 28/10/2012; thời hạn của mỗi khoản vay không quá 6 tháng và được quy định trong khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần giải ngân; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 với vay USD là 7,95%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bên vay phải mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo, ngân hàng là người duy nhất thụ hưởng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên quan tới khoản vay/ tài sản đảm bảo cho khoản vay của bên vay tại ngân hàng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 0181125/HĐTD2-VIB ngày 12/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, kinh doanh sắt thép;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng ( kể từ ngày 12/07/2011 đến 12/07/2012);
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần giải ngân; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 là 22%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác được ngân hàng chấp thuận.



**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(5) Hợp đồng tín dụng số 100/11/TD/XXI ngày 23/06/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 23/06/2011 đến 23/06/2012, thời hạn vay của mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 từ 20% đến 21%/ năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho là nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

(6) Thu đề nghị cung cấp các tiện ích không cam kết số FA.01.07.2011 ngày 01/07/2011:

- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 4 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 5,6%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất 330m<sup>2</sup> tại Quang Minh.

(7) Thông tin về khoản nợ dài hạn đến hạn trả xem tại Thuyết minh số 19.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	45.788.400	-
Thuế Thu nhập cá nhân	105.352.325	85.940.386
	<u><u>151.140.725</u></u>	<u><u>85.940.386</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.019.691.793	170.853.807
Trích trước chi phí phải trả khác	125.893.364	159.879.618
	<u><u>1.145.585.157</u></u>	<u><u>330.733.425</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	138.684.512	119.050.037
Phải trả về hợp tác kinh doanh	1.585.000.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	156.284.880	191.323.200
Phải trả, phải nộp khác	683.084.873	6.600.000
	<b>2.563.054.265</b>	<b>316.973.237</b>

**19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	17.490.613.559	9.857.142.855
- Vay ngân hàng	17.490.613.559	9.857.142.855
	<b>17.490.613.559</b>	<b>9.857.142.855</b>

**Chi tiết vay dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội <sup>(1)</sup>	17.490.613.559	9.857.142.855
	<b>17.490.613.559</b>	<b>9.857.142.855</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(1) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 102/0/TD/II.13 ngày 30/09/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 24,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: tài trợ phần hạng mục xây lắp cho dự án "Tòa nhà tài chính Vĩnh Yên";
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh khi có thông báo thay đổi lãi suất của ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 21.172.847.987 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3.682.234.428 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	65.269.904.788	(3.508.514.890)	51.153.413	6.888.844.210	3.319.422.105	33.644.297.276	481.662.206.902
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	25.526.659.226	25.526.659.226
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(22.559.826.000)	(22.559.826.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(7.077.620.000)	-	-	-	-	(7.077.620.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	555.214.647	555.214.647
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	2.540.817.265	3.508.514.890	-	-	-	-	6.049.332.155
Giảm khác	-	-	-	(51.153.413)	-	-	-	(51.153.413)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>67.810.722.053</b>	<b>(7.077.620.000)</b>	<b>-</b>	<b>6.888.844.210</b>	<b>3.319.422.105</b>	<b>37.166.345.149</b>	<b>484.104.813.517</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	3.643.361.451	3.643.361.451
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.917.002.068	1.458.501.034	(7.292.505.171)	(2.917.002.069)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(14.401.324.000)	(14.401.324.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8.912.578.846)	-	-	-	-	(8.912.578.846)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>67.810.722.053</b>	<b>(15.990.198.846)</b>	<b>-</b>	<b>9.805.846.278</b>	<b>4.777.923.139</b>	<b>19.115.877.429</b>	<b>461.517.270.053</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/03/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận nău 2010 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	25.526.659.226
Trích Quỹ đầu tư phát triển	11,43%	2.917.002.068
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,71%	1.458.501.034
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,43%	2.917.002.069
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	56,42%	14.401.324.000
Lợi nhuận chưa phân phối	15,02%	3.832.830.055



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của đối tượng khác	100,00%	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000
	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.401.324.000	22.559.826.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	14.401.324.000	22.559.826.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	401.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	401.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	37.198.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	37.198.710
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.805.846.278	6.888.844.210
Quỹ dự phòng tài chính	4.777.923.139	3.319.422.105
	<b>14.583.769.417</b>	<b>10.208.266.315</b>

**21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.000.192.539.471	1.231.212.416.948
Doanh thu bán hàng hóa	1.064.732.076.512	389.360.755.508
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.171.348.366	1.728.032.169
	<b>2.067.095.964.349</b>	<b>1.622.301.204.625</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.312.963.531	1.416.286.088
Hàng bán bị trả lại	12.410.960.873	100.439.658
	<b>15.723.924.404</b>	<b>1.516.725.746</b>

**23 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	996.663.607.161	1.229.707.513.432
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.052.537.084.418	389.348.933.278
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.171.348.366	1.728.032.169
	<b>2.051.372.039.945</b>	<b>1.620.784.478.879</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	952.107.136.538	1.143.215.836.425
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.022.817.723.789	386.602.247.929
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	180.624.240	180.624.235
	<b>1.975.105.484.567</b>	<b>1.529.998.708.589</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	19.737.043.576	14.801.197.683
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	11.309.211.607	15.183.560.707
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	341.928.510
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.950.000	65.700.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.468.641.816	2.064.506.496
	<b>33.571.846.999</b>	<b>32.456.893.396</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	63.361.182.677	55.404.346.508
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	39.868.890
Lỗ bán ngoại tệ	270.323.732	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.618.000.000	617.450.000
Chi phí tài chính khác	1.989.691	1.219.279
	<b>66.251.496.100</b>	<b>56.062.884.677</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

- Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	262.477.567	193.093.526
Chi phí nhân công	3.421.154.565	3.254.227.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.008.520	822.721.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.359.023.856	17.249.526.050
Chi phí khác bằng tiền	492.122.880	853.359.023
	<b>26.440.787.388</b>	<b>22.372.927.219</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	776.802.729	916.338.811
Chi phí nhân công	4.734.166.769	5.438.296.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.829.163.446	1.563.132.462
Thuế, phí, lệ phí	564.734.619	434.922.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.667.384.645	5.493.782.494
Chi phí khác bằng tiền	1.432.737.103	1.711.126.318
	<b>15.004.989.311</b>	<b>15.557.599.509</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	836.363.637	-
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.339.243.602	-
Thu nhập khác	233.712.842	34.389.899
	<b>2.409.320.081</b>	<b>34.389.899</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	193.146.643	-
Chi phí khác	274.456.959	280.506
	<b>467.603.602</b>	<b>280.506</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.082.846.057	29.283.361.674
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	312.000.000	276.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	312.000.000	276.000.000
Tổng lợi nhuận chịu thuế	4.394.846.057	29.559.361.674
Tổng lợi nhuận tính thuế	4.394.846.057	29.559.361.674
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.098.711.515	3.756.702.448
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(659.226.909)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>439.484.606</b>	<b>3.756.702.448</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	(555.214.647)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(160.034.244)	1.942.141.525
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(325.350.332)	(5.303.663.570)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(45.899.970)</b>	<b>(160.034.244)</b>

(\*) Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE đang trong giai đoạn ưu đãi đầu tư. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2012  
CÔNG  
NHÂN  
VỤ  
CHÍNH  
VÀ KIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

- Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u> VND	<u>Năm 2010</u> VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	-	3.141.413.776
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	4.875.000.000	6.000.000.000
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	26.850.545.718	24.948.841.887
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	309.605.215	12.189.711.200
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	486.829.862	* 960.857.749
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	644.839.310.879	512.850.949.229
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	1.616.902.216	-
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	224.177.227	115.532.412.364
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	1.041.424.383	41.958.182
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	563.132	752.950
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	4.966.178.299	-
<b>Cho vay vốn</b>			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	85.343.300.000	60.800.000.000
<b>Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán</b>			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	30.315.562.621	22.198.935.270
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	5.673.079.478	5.113.227.702
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	-	78.064.625
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	208.266.767	-
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	272.144.685	137.067.111.365
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	1.898.454	-
<b>Phải thu vốn cho vay</b>			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	74.656.700.000
<b>Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả</b>			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.736.462.431	2.062.901.415
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	170.000.000	-
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	944.957.081	-
<b>Phải trả khác</b>			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	1.585.000.000	-

(\*) Vợ của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



**Nguyễn Thị Nhi**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

